TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 47/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 01/7/2021.
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Công Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Linh
2. Bà Hà Ngân Kim Tới

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual -Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Kiến Thức - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01/7/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 108/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2021 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thạch Thị Q; Sinh năm 2001; Địa chỉ: Số A, ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn*: Ông Lý H; Sinh năm 1997; Địa chỉ: Số 548, ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện do bà Thạch Thị Q lập ngày 15/3/2021 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Thạch Thị Q trình bày như sau: Bà và ông Lý H kết hôn với nhau vào năm 2020 trên cơ sở tự nguyện, có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng kết hôn ngày 09/3/2020. Sau khi kết hôn vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau với mức độ thường xuyên hơn cho nên cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, do đó vợ chồng đã ly thân từ tháng 10 năm 2020 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống bà và ông Lý H không có con chung, không cáo tài sản chung và không có nợ chung.

Nay bà Thạch Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với ông Lý H; Về con chung, về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn ông Lý H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lý H nhưng ông H không có văn bản gửi cho Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Q và không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải cũng như tham gia phiên tòa theo triệu tập.

* Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề xác định: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 15/3/2021, bà Thạch Thị Q yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lý H có nơi cư trú tại ấp B, xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân huyện Trần Đề thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, bị đơn Lý H vắng mặt lần thứ hai không có lý do khi đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và nguyên đơn Thạch Thị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 3 Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thạch Thị Q:

[5] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thạch Thị Q và ông Lý H tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Sóc Trăng được cấp giấy chứng kết hôn ngày 09/3/2020 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Thạch Thị Q và ông Lý H là hợp pháp. Nhưng sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông H không lo làm ăn dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau với mức độ thường xuyên hơn cho nên đến tháng 10 năm 2020 thì vợ chồng sống ly thân đến nay. Trong thời gian ly thân,

vợ chồng cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng và bà Thạch Thị Q làm đơn khởi kiện để xin ly hôn tại Tòa án. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên vợ chồng bà Q, ông H đoàn tụ với nhau, tuy nhiên phía ông H vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Như vậy, tình trạng hôn nhân của vợ chồng bà Thạch Thị Q và ông Lý H đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, xét việc bà Q xin ly hôn là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về con chung: Trong thời gian sống chung bà Q cho rằng không có con chung và ông H cũng không có ý kiến về con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Tài sản chung và nợ chung: Bà Thạch Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Thạch Thị Q chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Ông Lý H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*** Căn cứ:** khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- Về hôn nhân: Bà Thạch Thị Q được ly hôn với ông Lý H.

- Về con chung: Không có, và các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về nợ chung, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Thạch Thị Q chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào

số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007823, ngày 05/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, bà Thạch Thị Q đã thực hiện xong. Ông Lý H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho các đương sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.KTNV &THA);
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã C;
- Chi cục THADS huyện Trần Đề;
- Các bên đương sự;
- Lưu (HSVA & TA).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Lý Công Minh